

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 46/2017/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 24 tháng 11 năm 2017

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ... C.
	Ngày: 28/11/2017.

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động
của Mạng lưới các cơ quan thông báo và hỏi đáp
và Ban liên ngành về hàng rào kỹ thuật trong thương mại**

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định Quy chế tổ chức và hoạt động của Mạng lưới các cơ quan thông báo và hỏi đáp và Ban liên ngành về hàng rào kỹ thuật trong thương mại.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Mạng lưới các cơ quan thông báo và hỏi đáp và Ban liên ngành về hàng rào kỹ thuật trong thương mại.

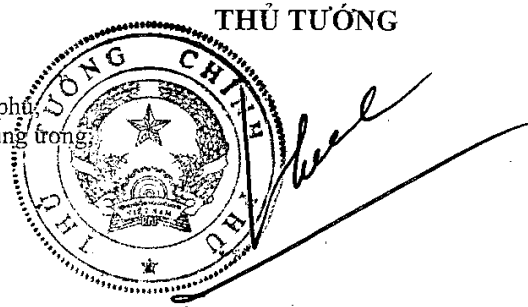
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 01 năm 2018 và thay thế Quyết định số 114/2005/QĐ-TTg ngày 26 tháng 5 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Mạng lưới cơ quan Thông báo và Điểm hỏi đáp của Việt Nam về hàng rào kỹ thuật trong thương mại.

Quy định thành phần của Ban liên ngành TBT tại điểm d khoản 2 Điều 1 Quyết định số 444/QĐ-TTg ngày 26 tháng 5 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt triển khai thực hiện Đề án về hàng rào kỹ thuật trong thương mại hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./:

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KGVX (2b).pc ~~104~~



Nguyễn Xuân Phúc

QUY CHẾ

**Tổ chức và hoạt động của Mạng lưới các cơ quan thông báo và hỏi đáp
và Ban liên ngành về hàng rào kỹ thuật trong thương mại**

*(Kèm theo Quyết định số 46/2017/QĐ-TTg
ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của Mạng lưới các cơ quan thông báo và hỏi đáp của Việt Nam về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (sau đây gọi tắt là Mạng lưới TBT Việt Nam) và Ban liên ngành về hàng rào kỹ thuật trong thương mại (sau đây gọi tắt là Ban liên ngành TBT) nhằm thực thi các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với Mạng lưới TBT Việt Nam, Ban liên ngành TBT và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ và các từ viết tắt

1. TBT (Technical Barriers to Trade) là hàng rào kỹ thuật trong thương mại được thể hiện dưới hình thức các biện pháp có tính kỹ thuật bắt buộc áp dụng để bảo đảm an toàn, vệ sinh, sức khỏe con người, bảo vệ động vật, thực vật, môi trường; bảo vệ lợi ích và an ninh quốc gia, quyền lợi của người tiêu dùng và các yêu cầu thiết yếu khác được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn được viện dẫn bắt buộc áp dụng trong văn bản quy phạm pháp luật hoặc quy trình đánh giá sự phù hợp do các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành.

2. Điều ước quốc tế có liên quan đến TBT bao gồm các Hiệp định/Thỏa thuận có điều khoản về TBT trong các Hiệp định thương mại mà Việt Nam ký kết.

3. Công thông tin TBT Việt Nam là Công thông tin quốc gia về hàng rào kỹ thuật trong thương mại của Việt Nam đặt tại Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

Chương II **MẠNG LƯỚI TBT VIỆT NAM**

Điều 4. Tổ chức và hoạt động của Mạng lưới TBT Việt Nam

Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức, quản lý hoạt động của Mạng lưới TBT Việt Nam, bao gồm cơ quan thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại của quốc gia (sau đây gọi tắt là Điểm TBT quốc gia), cơ quan thông báo và hỏi đáp về hàng rào kỹ thuật trong thương mại của các bộ (sau đây gọi tắt là Điểm TBT của bộ) và cơ quan thực hiện hoạt động TBT ở địa phương.

1. Hoạt động TBT cấp quốc gia thực hiện thông qua Điểm TBT quốc gia là Văn phòng Thông báo và hỏi đáp quốc gia về Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng (Văn phòng TBT Việt Nam) trực thuộc Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng, Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Hoạt động TBT cấp Bộ thực hiện thông qua các Điểm TBT của bộ là cơ quan được chỉ định thực hiện nhiệm vụ về TBT của các Bộ: Công Thương; Giao thông vận tải; Khoa học và Công nghệ; Lao động - Thương binh và Xã hội; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tài nguyên và Môi trường; Thông tin và Truyền thông; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Xây dựng và Y tế.

3. Hoạt động TBT địa phương thực hiện thông qua Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 5. Chức năng của Mạng lưới TBT Việt Nam

1. Thực hiện nghĩa vụ thông báo và nghĩa vụ hỏi đáp về TBT của Việt Nam trong việc thực thi các điều ước quốc tế liên quan đến TBT; giúp Ban liên ngành TBT thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Quy chế này.

2. Vận hành Cổng Thông tin TBT Việt Nam nhằm bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thông báo và nghĩa vụ hỏi đáp về TBT của Việt Nam trong việc thực thi các điều ước quốc tế liên quan đến TBT.

3. Hỗ trợ nâng cao nhận thức của cộng đồng, cung cấp thông tin, tư vấn cho doanh nghiệp về TBT nhằm nâng cao khả năng tiếp cận thị trường của hàng hóa Việt Nam ở thị trường trong nước và nước ngoài.

Điều 6. Nhiệm vụ của Mạng lưới TBT Việt Nam

1. Điểm TBT quốc gia là cơ quan duy nhất thực hiện chức năng thông báo cho quốc tế về các biện pháp TBT và các thông báo khác của Việt Nam liên quan đến TBT theo quy định tại các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Điểm TBT quốc gia có trách nhiệm giúp Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Thông nhất quản lý hoạt động thông báo và hỏi đáp về TBT; điều phối và kiểm soát chung các hoạt động liên quan đến TBT; điều phối và vận hành Cổng thông tin TBT Việt Nam; gửi cho Điểm TBT của các bộ, cơ quan, tổ chức ở trung ương và địa phương có liên quan các thông tin về TBT để bảo đảm việc phổ biến về TBT được sâu rộng và hiệu quả; đầu mối tiếp nhận và cung cấp các chương trình nghị sự của các tổ chức quốc tế liên quan đến TBT; đề xuất, kiến nghị, đăng ký thành viên tham dự các chương trình, hội nghị, hội thảo quốc tế liên quan đến TBT;

b) Thông báo, thông tin về TBT cho các tổ chức nước ngoài, quốc tế đáp ứng những quy định tại các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

c) Tập hợp, tiếp nhận, chuẩn bị và cung cấp thông tin cảnh báo cho các bộ, ngành, hiệp hội, doanh nghiệp và các cơ quan địa phương có liên quan về các biện pháp TBT của nước ngoài đối với các sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam để hỗ trợ việc tiếp cận thị trường xuất khẩu;

d) Thực hiện tuyên truyền, phổ biến, đào tạo, tập huấn, tư vấn, cung cấp thông tin về TBT ở Việt Nam và các thị trường xuất khẩu cho các tổ chức, cơ quan và doanh nghiệp nhằm nâng cao nhận thức về các cơ hội và thách thức của TBT ở trong nước và nước ngoài;

đ) Chủ trì tham gia đàm phán và triển khai các cam kết về TBT trong các điều ước quốc tế; tham gia hoạt động hợp tác quốc tế có liên quan đến việc triển khai hoạt động TBT theo sự phân công của cơ quan quản lý trực tiếp;

e) Nghiên cứu, đề xuất các biện pháp nhằm tăng cường nguồn lực cho Mạng lưới TBT Việt Nam và Cổng thông tin TBT Việt Nam hoạt động có hiệu quả;

g) Đầu mối thực hiện các nghĩa vụ thông báo và nghĩa vụ hỏi đáp về TBT của Bộ Khoa học và Công nghệ giúp Ban liên ngành TBT thực hiện các nhiệm vụ theo chức năng, tổng hợp các ý kiến, thông tin về TBT từ Điểm TBT của các bộ, cơ quan, tổ chức liên quan ở trung ương và địa phương và đề xuất các vấn đề có tính chất liên ngành cần đồng thuận để Ban liên ngành xem xét cho ý kiến nhằm bảo đảm hoạt động thông báo và hỏi đáp đáp ứng các quy định ở trong nước và ngoài nước.

2. Điểm TBT của bộ có trách nhiệm giúp các bộ thực hiện nhiệm vụ sau:

a) Rà soát và gửi cho Điểm TBT quốc gia danh mục các văn bản liên quan đến biện pháp TBT thuộc Danh mục xây dựng văn bản hằng năm của bộ, ngành trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được Bộ trưởng phê duyệt; dự

thảo, bản được ban hành của các biện pháp TBT, bản dịch các văn bản sang tiếng nước ngoài (nếu có); dự thảo sửa đổi, bổ sung các văn bản đã ban hành liên quan đến biện pháp TBT thuộc phạm vi quản lý của bộ; các Hiệp định hoặc thỏa thuận song phương, đa phương về các vấn đề liên quan đến các biện pháp TBT thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành mình ký kết; thực hiện thông báo và hỏi đáp các thông tin về TBT theo hướng dẫn về quy trình thông báo và hỏi đáp về TBT do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành; bảo đảm việc cung cấp thông tin về TBT trên Cổng thông tin TBT Việt Nam theo hướng dẫn của Điểm TBT quốc gia;

b) Thống nhất thông tin với các cơ quan, tổ chức thuộc bộ, các Điểm TBT của bộ khác trong Mạng lưới TBT Việt Nam, các cơ quan, tổ chức có liên quan ở trung ương, địa phương đối với những vấn đề TBT có tính chất liên ngành trước khi gửi cho Điểm TBT quốc gia trả lời cho các tổ chức, cơ quan trong nước và/hoặc nước ngoài;

c) Chủ động phối hợp với cơ quan, tổ chức liên quan đề xuất kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, nghiên cứu các biện pháp TBT của nước ngoài đối với các sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam để có thông tin cảnh báo và hỗ trợ việc tiếp cận thị trường xuất khẩu; đề xuất chương trình, dự án để hỗ trợ thực thi có hiệu quả các điều ước quốc tế liên quan đến TBT;

d) Thực hiện tuyên truyền, phổ biến, đào tạo, tập huấn, tư vấn, cung cấp thông tin về TBT cho các tổ chức, cơ quan và doanh nghiệp thuộc lĩnh vực quản lý của bộ, ngành nhằm nâng cao nhận thức và xây dựng biện pháp đối phó với các thách thức của hàng rào kỹ thuật ở nước ngoài và của hàng hóa không bảo đảm chất lượng nhập khẩu vào Việt Nam;

đ) Nghiên cứu, đề xuất về các biện pháp bảo đảm nguồn lực để hoạt động có hiệu quả;

e) Tham gia hoạt động hợp tác quốc tế có liên quan đến việc triển khai hoạt động TBT theo đề xuất từ Điểm TBT quốc gia và phân công của cơ quan quản lý trực tiếp.

3. Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Phối hợp với Điểm TBT quốc gia, Điểm TBT của bộ, cơ quan, tổ chức ở trung ương và địa phương bảo đảm việc xử lý các thông tin TBT có liên quan đáp ứng yêu cầu của các tổ chức, cơ quan trong nước và/hoặc ngoài nước;

b) Chủ động rà soát, tổng hợp và gửi Điểm TBT quốc gia các văn bản, dự thảo biện pháp TBT của địa phương có khả năng gây vướng mắc, khiếu nại, tranh chấp giữa Việt Nam và các nước thành viên ký kết các điều ước quốc tế liên quan đến TBT;

c) Thực hiện tuyên truyền, phổ biến, cung cấp thông tin, đào tạo, tập huấn, tư vấn cho các tổ chức, cơ quan và doanh nghiệp tại địa phương về các biện pháp TBT của nước ngoài và các thông tin TBT khác nhằm nâng cao nhận thức về các cơ hội, thách thức của TBT ở trong nước và ngoài nước để hỗ trợ hoạt động tiếp cận thị trường xuất khẩu.

Điều 7. Chế độ làm việc của các Điểm TBT trong Mạng lưới TBT Việt Nam

1. Các Điểm TBT làm việc theo chế độ thủ trưởng và chịu sự quản lý của cơ quan quản lý trực tiếp về vấn đề chuyên môn, chuyên ngành.

2. Cơ quan quản lý trực tiếp của các tổ chức quy định tại Điều 4 Quy chế này sử dụng bộ máy hiện có để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Chương III BAN LIÊN NGÀNH TBT

Điều 8. Chức năng của Ban liên ngành TBT

Ban liên ngành TBT là tổ chức phối hợp liên ngành có chức năng tham mưu, tư vấn, đề xuất cho Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành và địa phương trong việc:

1. Đàm phán, ký kết các điều ước quốc tế liên quan đến TBT.
2. Thực hiện các nghĩa vụ của Việt Nam trong các điều ước quốc tế liên quan đến TBT mà Việt Nam là thành viên.
3. Giải quyết các vướng mắc, khiếu nại, tranh chấp về TBT giữa Việt Nam và các thành viên ký kết các điều ước quốc tế liên quan đến TBT.

Điều 9. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban liên ngành TBT

1. Nghiên cứu, tham mưu, kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền xây dựng, sửa đổi và bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật; tư vấn giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực thi các điều ước quốc tế liên quan đến TBT và kết luận các vấn đề chuyên môn liên ngành làm cơ sở cho việc thực hiện nghĩa vụ thông báo và hỏi đáp; đề xuất các chương trình hành động, giải pháp nhằm thực thi các nghĩa vụ và bảo vệ lợi ích của Việt Nam trong quá trình thực hiện các điều ước quốc tế liên quan đến TBT.

2. Tham gia các hoạt động về TBT ở trong nước và ngoài nước theo đề xuất của Bộ Khoa học và Công nghệ; các chương trình, đề án, dự án liên quan đến TBT.

3. Tiếp cận thông tin về TBT từ các tổ chức trong nước và ngoài nước; tham dự và thảo luận về các vấn đề liên quan đến TBT trong các diễn đàn có liên quan; sử dụng nhân lực, phương tiện của Điểm TBT quốc gia để triển khai thực hiện nhiệm vụ.

Điều 10. Cơ cấu tổ chức của Ban liên ngành TBT

1. Ban liên ngành TBT gồm 01 Trưởng ban, 01 Phó trưởng ban và các thành viên.

a) Trưởng ban là lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm điều hành hoạt động của Ban theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Điều 8, Điều 9 và Điều 10 của Quy chế này; phê duyệt và chỉ đạo thực hiện kế hoạch công tác hằng năm của Ban.

b) Phó Trưởng ban là đại diện lãnh đạo Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng có trách nhiệm giúp Trưởng ban trong việc điều hành hoạt động của Ban liên ngành TBT và chịu trách nhiệm trước Trưởng ban về phần công tác được phân công phụ trách.

c) Thành viên thư ký là Giám đốc Văn phòng TBT Việt Nam có trách nhiệm chuẩn bị tài liệu và các điều kiện cần thiết khác cho các cuộc họp của Ban theo chỉ đạo của Trưởng ban và Phó trưởng ban.

d) Các thành viên khác là đại diện các cơ quan: Văn phòng Chính phủ; Bộ Công Thương; Bộ Giao thông vận tải; Bộ Khoa học và Công nghệ; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Tư pháp; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Bộ Xây dựng; Bộ Y tế; Tổng cục Hải quan (Bộ Tài chính); Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam; Hội Tiêu chuẩn và Bảo vệ Người tiêu dùng Việt Nam; Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam có trách nhiệm tham gia đầy đủ các cuộc họp của Ban, đề xuất các vấn đề cần thảo luận, đóng góp ý kiến về những vấn đề đưa ra thảo luận trong các cuộc họp của Ban hoặc góp ý kiến vào các văn bản do Trưởng ban, Phó trưởng ban yêu cầu. Ý kiến của thành viên là ý kiến đại diện của cơ quan chủ quản.

2. Thành viên Ban liên ngành TBT hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm và được bảo đảm các điều kiện làm việc cần thiết để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Điều 8, Điều 9 và Điều 10 của Quy chế này.

3. Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan thường trực của Ban liên ngành TBT tổ chức tiếp nhận kiến nghị từ các Điểm TBT thuộc Mạng lưới TBT Việt Nam, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Ban liên ngành TBT, điều phối hoạt động của các cơ quan, tổ chức trực thuộc và phối hợp với các cơ quan, tổ chức khác có liên quan để hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ của Ban liên ngành TBT.

Điều 11. Phương thức hoạt động của Ban liên ngành TBT

1. Ban liên ngành TBT hoạt động theo phương thức họp định kỳ 01 lần một năm và họp đột xuất. Nội dung họp định kỳ nhằm đánh giá kế hoạch công tác trong năm; thông qua kế hoạch công tác của năm tiếp theo; xem xét các vấn đề, đề xuất phát sinh. Trường hợp cần thiết, Trường ban triệu tập các cuộc họp đột xuất để xử lý các kiến nghị từ Mạng lưới TBT Việt Nam hoặc từ các cơ quan tổ chức có liên quan.

2. Quyết định của Ban liên ngành TBT được thông qua theo nguyên tắc đồng thuận. Trường hợp không đạt được sự đồng thuận, nguyên tắc quá bán trên tổng số người tham dự họp sẽ được áp dụng. Trường hợp có ý kiến bảo lưu, các kiến nghị hoặc đề xuất của Ban liên ngành TBT khi gửi cho cơ quan nhà nước liên quan phải kèm theo ý kiến bảo lưu và giải trình về ý kiến bảo lưu đó, nếu cần.

Chương IV CƠ CHẾ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG CỦA MẠNG LƯỚI TBT VIỆT NAM, BAN LIÊN NGÀNH TBT

Điều 12. Cơ chế phối hợp hoạt động của Mạng lưới TBT Việt Nam, Ban liên ngành TBT với các cơ quan, tổ chức có liên quan

1. Mạng lưới TBT Việt Nam thông qua cơ quan thường trực của Ban liên ngành TBT có quyền kiến nghị Ban xem xét các vấn đề chuyên môn liên ngành làm cơ sở cho việc thực hiện nghĩa vụ thông báo và hỏi đáp, các giải pháp nhằm thực thi các nghĩa vụ và bảo vệ lợi ích của Việt Nam trong quá trình thực hiện các điều ước quốc tế liên quan đến TBT.

2. Ban liên ngành TBT có trách nhiệm xử lý và kết luận các giải pháp, vấn đề chuyên môn liên ngành do các Điểm TBT thuộc Mạng lưới TBT Việt Nam đề nghị. Thành viên của Ban liên ngành là đại diện của các bộ có Điểm TBT có trách nhiệm phối hợp với các Điểm TBT của bộ mình thống nhất quan điểm trước khi gửi ý kiến cho cơ quan thường trực làm cơ sở kết luận của Ban đối với việc thực hiện nghĩa vụ thông báo và hỏi đáp.

3. Các cơ quan trung ương, địa phương, tổ chức phi Chính phủ, tổ chức khác có liên quan có trách nhiệm phối hợp kịp thời theo đề nghị từ Ban liên ngành và Mạng lưới TBT Việt Nam để thực hiện hiệu quả việc phòng ngừa, giải quyết các vấn đề tranh chấp, các vi phạm quy định có liên quan tới TBT và cam kết về TBT trong các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên.

Điều 13. Kinh phí hoạt động

1. Kinh phí hoạt động của Điểm TBT quốc gia, các Điểm TBT của bộ, ngành, Ban liên ngành TBT bao gồm:

a) Kinh phí ngân sách nhà nước;

b) Các nguồn kinh phí hợp pháp khác (viện trợ, tài trợ, đầu tư từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước).

2. Bộ Khoa học và Công nghệ bảo đảm kinh phí hoạt động của Điểm TBT quốc gia và Ban liên ngành TBT.

3. Các bộ liên quan bảo đảm kinh phí và cơ sở vật chất kỹ thuật cho hoạt động của Điểm TBT thuộc phạm vi quản lý của bộ, ngành mình.

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương bảo đảm kinh phí hoạt động liên quan đến TBT của cơ quan trực thuộc tại địa phương quy định tại khoản 3 Điều 4 từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm của địa phương.

Chương V TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ về hoạt động của Mạng lưới TBT Việt Nam và Ban liên ngành TBT.

2. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định Danh sách thành viên Ban liên ngành TBT theo đề xuất của các bộ và cơ quan nêu tại điểm d khoản 1 Điều 10 Quy chế này. Phân công trách nhiệm và hướng dẫn phương thức làm việc, phối hợp giữa các thành viên Ban liên ngành TBT.

3. Ban hành văn bản hướng dẫn Mạng lưới TBT Việt Nam thực hiện nhiệm vụ thông báo và hỏi đáp về TBT phù hợp với quy định Quy chế này.

4. Xây dựng, duy trì cơ sở dữ liệu quốc gia về TBT, phối hợp với các bộ có Điểm TBT cấp bộ, bảo đảm việc duy trì và khai thác Cổng thông tin TBT Việt Nam có hiệu quả.

5. Tổ chức, hướng dẫn thực hiện Quy chế này bảo đảm thống nhất và đồng bộ ở các cấp, các ngành.

6. Bảo đảm kinh phí hoạt động của Ban liên ngành TBT và Điểm TBT của quốc gia theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

7. Định kỳ 6 tháng báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả hoạt động của Ban liên ngành TBT và quý I hằng năm báo cáo kết quả hoạt động của Mạng lưới TBT Việt Nam.

Điều 15. Các Bộ: Công Thương; Giao thông vận tải; Lao động - Thương binh và Xã hội; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Tài nguyên và Môi trường; Thông tin và Truyền thông; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Xây dựng và Y tế

1. Bảo đảm các nguồn lực về cán bộ, biên chế, kinh phí, cơ sở vật chất - kỹ thuật cho Điểm TBT trực thuộc phù hợp với nhu cầu phát triển của bộ.

2. Xây dựng, duy trì cơ sở dữ liệu, bảo đảm cung cấp thông tin về TBT đáp ứng các nghĩa vụ thông báo và nghĩa vụ hỏi đáp về TBT trên Cổng thông tin TBT Việt Nam.

3. Chỉ đạo Điểm TBT và các cơ quan, tổ chức trực thuộc có liên quan bảo đảm việc thực hiện các nghĩa vụ thông báo, hỏi đáp về TBT và các kiến nghị, tham mưu, tư vấn của Ban liên ngành TBT.

4. Bảo đảm kinh phí hoạt động thường xuyên cho Điểm TBT do mình quản lý theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

5. Định kỳ tháng 01 hằng năm gửi báo cáo về Bộ Khoa học và Công nghệ tình hình thực hiện Quy chế này để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Điều 16. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

1. Chỉ đạo và bảo đảm các điều kiện cần thiết cho các cơ quan trực thuộc của địa phương quy định tại khoản 3 Điều 6 Quy chế này thực hiện các nhiệm vụ và yêu cầu về minh bạch hóa thông tin TBT.

2. Định kỳ tháng 01 hằng năm gửi báo cáo về Bộ Khoa học và Công nghệ tình hình thực hiện Quy chế này để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

3. Các cơ quan có liên quan bảo đảm việc cung cấp những thông tin cần thiết trong thời gian thích hợp và phối hợp thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến TBT./.



Nguyễn Xuân Phúc